TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Giáp.
Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 712/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/9/2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 138a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Anh Trần Hoàng K, sinh năm: 1967.**
HKTT: 32/3 đường QL 1, khu phố 2, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn: Chị Đặng Thị Vĩnh C, sinh năm: 1971.**
HKTT: 17/9 ấp T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(anh K có mặt, chị C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn anh Trần Hoàng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 20/8/2007.

Thời gian đầu hạnh phúc nhưng cho đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ việc chị C không tôn trọng anh, không chăm lo cho gia đình, anh cố gắng hàn gắn nhưng chị C vẫn không thay đổi, thực tế vợ chồng đã ly thân

được 02 năm nay, anh về nhà cha mẹ sinh sống còn chị C thì sống ở nơi khác. Nên anh đề nghị được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Đặng Ngọc N, sinh ngày: 28/7/2007, hiện nay đang học lớp 7 trường THCS T (phường B, thành phố B, tỉnh đồng Nai) và chung sống cùng với gia đình anh. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng vì anh có điều kiện chăm sóc con, Anh đang lái xe cho công ty tư nhân với mức thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, hơn nữa các anh em trong gia đình ai cũng thương yêu cháu N.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đặng Thị Vĩnh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh K là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh K được ly hôn với chị C. Về con chung: Giao cháu Hân cho anh K nuôi dưỡng, tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung anh K trình bày không có, nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh K phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần Hoàng K nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị Vĩnh C, sinh năm: 1971, HKTT: 17/9 ấp T, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Anh K và chị C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Biên Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 20/8/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh K tiếp tục xin ly hôn với chị C vì anh nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập chị C để làm việc nhưng chị vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh K và chị C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu ly hôn với chị C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 - Về con chung:

Anh chị có một con chung là cháu Trần Đặng Ngọc N, sinh ngày: 28/7/2007, hiện nay đang học lớp 7 trường THCS T (phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh đồng Nai). Ly hôn anh K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh K là có cơ sở chấp nhận, vì anh K có công việc ổn định, hiện nay cháu N đang học tập và sinh sống cùng gia đình anh và cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng cha, nên giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho cuộc sống của cháu N được tốt nhất.

2.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Anh K trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng K về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* với chị Đặng Thị Vĩnh C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng K được ly hôn với chị Đặng Thị Vĩnh C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đặng Ngọc N, sinh ngày: 28/7/2007 cho anh Trần Hoàng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Đặng Thị Vĩnh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Đặng Thị Vĩnh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Hoàng K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007156 ngày 25/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Trần Hoàng K đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS (03);
- Đương sự (02);
- UBND phường Q, Biên Hòa, Đồng Nai (01);
- Lưu hồ sơ (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương